TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày 01-4-2022
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Dung.

2. Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Trong ngày 01 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2022 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị M** - Sinh năm 1990.

ĐKHK: Thôn ĐH, xã VL, huyện KX, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ: SR, P, Manila, Philipines.

** Bị Đơn:* Anh **Lương Quốc Việt** - Sinh năm 1985.

ĐKHK: Thôn ĐĐ, xã ĐT, huyện LT, tỉnh Hòa Bình.

Địa chỉ: Sea Residence, Pasay, Manila, Philipines.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh **Trần Quốc B** - Sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn ĐH, xã VL, huyện KX, tỉnh Thái Bình.

(Chị Thủy, anh Cương, anh B có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn xin ly hôn, Bản tự khai, Đơn xin vắng mặt, Nguyên đơn - chị Trần Thị M trình bày:* Chị và anh Lương Quốc V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng

ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện LT, tỉnh Hòa Bình ngày 24/7/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại gia đình anh V được hai năm và sau đó cùng sang Philipines sinh sống, làm ăn. Tuy nhiên, trước khi ra nước ngoài sinh sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Ban đầu chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhưng đến năm 2020 thì mâu thuẫn trầm trọng hơn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và phương pháp nuôi dạy con chung. Khoảng tháng 6/2020, vợ chồng bắt đầu sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lương Quốc V.

Chị và anh Lương Quốc V có 01 con chung là Lương Xuân T1, sinh ngày 16/7/2018. Hiện nay cháu T1 đang sinh sống cùng với gia đình bác ruột là anh Trần Quốc B (anh trai chị). Ly hôn, chị và anh V thỏa thuận, chị nuôi con chung anh V có quyền thăm nom con và không ai được phép cản trở. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Đơn xin ly hôn; Bản tự khai; Đơn xin vắng mặt; Bị đơn - anh Lương Quốc V trình bày:* Anh và chị Trần Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện LT, tỉnh Hòa Bình ngày 24/7/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh được 2 năm và sau đó cùng sang Philipines sinh sống làm ăn. Tuy nhiên, trước khi ra nước ngoài sinh sống một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Ban đầu vợ chồng chỉ là mâu thuẫn nhỏ lời qua tiếng lại nhưng đến năm 2020 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng hơn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về lối sống, thu nhập kinh tế và cách nuôi dạy con chung. Khoảng tháng 6/2020, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị M đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh đồng ý.

Anh và chị Trần Thị M có 01 con chung là Lương Xuân T1, sinh ngày 16/7/2018. Hiện nay con T1 đang sinh sống cùng với gia đình bác ruột là anh Trần Quốc B (anh trai chị M). Ly hôn, anh và chị M thỏa thuận , chị M nuôi con chung và anh có quyền thăm nom con và không ai được phép cản trở. Việc cấp dưỡng nuôi con, anh và chị M tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh và chị M tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh Lương Quốc V và chị Trần Thị M đang sinh sống và làm việc tại Philipines nên không thể về Việt Nam tham gia tố tụng tại Toà án được, anh V và chị M có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

** Tại Đơn trình bày; Đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Trần Quốc B (anh trai chị M) trình bày*: Tình cảm vợ chồng giữa chị Trần Thị M và anh Lương Quốc V mâu thuẫn đã lâu, đề nghị toà án giải quyết cho chị M và anh V được ly hôn. Anh V và chị M có 01 con chung là cháu Lương Xuân T1, sinh ngày 16/7/2018. Hiện cháu T1 đang do vợ chồng anh nuôi dưỡng. Ly hôn, chị M và anh V thỏa thuận giao cháu T1 cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con, anh V và chị M tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết. Do chị M đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài nên không trực tiếp nuôi cháu T1 được. Chị M ủy quyền cho anh nuôi giúp cháu T1 trong thời gian chị M lao động ở nước ngoài anh đồng ý. Việc cấp dưỡng nuôi cháu T1 anh và chị M tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị toà án chấp thuận thỏa thuận của anh V và chị M.

Vì lý do công việc, anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các buổi làm việc của Tòa án và phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án ly hôn giữa chị M và anh V.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* **Về tố tụng***:* Chị Trần Thị M, anh Lương Quốc V, anh Trần Quốc B có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt hợp lệ, áp dụng khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*** Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Quốc V và chị Trần Thị M kết hôn hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện LT, tỉnh Hòa Bình ngày 24/7/2017. Sau khi kết hôn được 2 năm thì vợ chồng cùng sang Philipines sinh sống, làm ăn. Quá trình chung sống ở nước ngoài vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về lối sống, thu nhập kinh tế gia đình và cách nuôi dạy con chung. Tháng 6/2020, mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, hai bên sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị M xin ly hôn, anh V đồng ý, thể hiện mục đích hôn nhân giữa các đương sự không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Trần Thị M được ly hôn anh Lương Quốc V là phù hợp pháp luật.

[2] Về con chung: Chị Trần Thị M và anh Lương Quốc V có 01 con chung là cháu Lương Xuân T1, sinh ngày 16/7/2018. Hiện cháu T1 đang do anh Trần Quốc B (anh trai chị M) nuôi dưỡng. Ly hôn, chị M và anh V thỏa thuận chị M nuôi con chung. Do chị M đang ở nước ngoài nên không trực tiếp nuôi con được, chị M nhờ anh trai chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1 đến khi chị M về V Nam, các đương sự đều

đồng ý. Do việc cấp dưỡng nuôi cháu T1 các đương sự tự thỏa thuận nên không đặt ra giải quyết. Vì vậy, áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận của các đương sự là phù hợp pháp luật.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị M và anh Lương Xuân T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, vì vậy không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị M được ly hôn anh Lương Quốc V.

2. Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Lương Xuân T1, sinh ngày 16/7/2018. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Chấp nhận việc chị Trần Thị M ủy quyền cho anh Trần Quốc B nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lương Xuân T1 thay chị M trong thời gian chị lao động làm ăn ở nước ngoài.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Trần Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Trần Thị M nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005286 ngày 28/01/2022 (do anh Trần Quốc B nộp thay) tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Trần Thị M, anh Lương Quốc V, anh Trần Quốc B. Chị M, anh V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án. Anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- UBND xã ĐT, h. LT, tỉnh Hòa Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Phương Thảo